TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2017
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Bà Trần Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 về vụ án xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét số: 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1992. Địa chỉ: khu phố B, phường T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Trung V, sinh năm 1988. Địa chỉ: khu phố B, phường B, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2017 và bản tự khai ngày 11/8/2017 chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Chị và anh Lê Trung V chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/3/2010. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng sau khi có con chung thì phát sinh mâu thuẫn về cách nuôi dạy con và mâu thuẫn về kinh tế. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2017 đến nay. Nay không còn tình cảm, không thể hòa hợp trong cuộc sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Trung V.

Về con chung: chị với anh V chung sống có 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Gia B, giới tính nam, sinh ngày 13/12/2010. Hiện nay con chung đang sống với anh V, chị đồng ý giao con chung cho anh V tiếp tục nuôi con đến tuổi trưởng thành và chị không cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh V có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị với anh V không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 05/9/2017 và tại phiên Tòa bị đơn anh Lê Trung V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/3/2010. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, mâu thuẫn phát sinh là do chị N có những mối quan hệ không rõ ràng, anh chị không còn chung với nhau từ 5/2017 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh hoàn toàn thống nhất ly hôn với chị N.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia B, giới tính nam, sinh ngày 13/12/2010. Hiện nay con chung đang sống với anh, anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và chưa yêu cầu chị N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh trình bày anh chị có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án; bị đơn anh Lê Trung V chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định cho chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Lê Trung V; giao 01 con chung chưa thành niên tên Lê Nguyễn Gia B, giới tính nam, sinh ngày 13/12/2010 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và ghi nhận việc anh V chưa yêu cầu chị N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; không xem xét về tài sản chung và nợ chung, do anh, chị không có yêu cầu. Về án phí: Buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Trích lục khai sinh của con chung tên Lê Nguyễn Gia B (bản sao); Trích lục kết hôn (bản sao) và các giấy tờ về nhân thân của chị N (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N xin ly hôn đối với bị đơn anh Lê Trung V có nơi cư trú tại khu phố B, phường B, thị xã H, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N do bận công việc ở xa nên có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa xét xử vụ án nên Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời lập biên bản không tiến hành hòa giải được và ghi nhận ý kiến của đương sự có mặt, tiến hành đưa vụ án ra xét xử, đồng thời xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ Hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Lê Trung V là hôn nhân hợp pháp, anh chị có đăng ký và được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo nguyên đơn chị N trình bày do mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con cái, kinh tế gia đình, anh chị không còn chung sống từ tháng 4/2017 đến nay, bị đơn anh V cho rằng giữa anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, mâu thuẫn xuất phát từ việc chị N có những mối quan hệ không rõ ràng, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2017 đến nay, nay chị N yêu cầu ly hôn, anh V thống nhất ly hôn với chị N nên Hội đồng xét xử nghị có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Lê Trung V.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Lê Trung V trình bày có một con chung tên Lê Nguyễn Gia B, giới tính nam, sinh ngày 13/12/2010. Hiện nay con chung đang sống với anh V, theo ý kiến chị N thì chị đồng ý giao con chung cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh V đồng ý trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, do đó xét thấy việc giao con chung cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Đồng thời ghi nhận việc anh V chưa yêu cầu chị N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Lê Trung V trình bày có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Lê Trung V trình bày không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ánh N chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Lê Trung V.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Gia B, giới tính nam, sinh ngày 13/12/2010 cho anh Lê Trung V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Trung V về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Lê Trung V trình bày có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Lê Trung V trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004315 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang, sau khi đối trừ chị N không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn anh Lê Trung V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện KSND TX H;
- Chi cục THADS TX H;
- UBND P. B, TX H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Giang Phước Thành